TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG** Bản án số: 145/2022/DS-PT Ngày: 28/11/2022 *V/v:* "Tranh chấp kiện đòi tài sản và bồi thường thiệt hại trong xây dựng"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: ông Nguyễn Hà Giang;

Các thẩm phán: ông Nguyễn Văn Ngữ và bà Nguyễn Thị Hương Giang;

Thư ký phiên toà: bà Trần Thị Ngọc Anh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 28/11/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2022/TLPT-DS ngày 19/10/2022 về việc: "Tranh chấp kiện đòi tài sản và bồi thường thiệt hại trong xây dựng" do bản án dân sự sơ thẩm số 41/2022/DS-ST ngày 25/8/2022 của Toà án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 174/2022/QĐ-PT ngày 09/11/2022 giữa:

**** Nguyên đơn:*** bà Đinh Thị D, sinh năm 1954 (có mặt);

Địa chỉ: tổ dân phố T, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang

**** Bị đơn:*** anh Võ Văn N (tức Võ Sỹ V), sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: tổ dân phố H, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Đinh Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2022/DS-ST ngày 25/8/2022 của Toà án nhân dân huyện L, thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn - bà Đinh Thị D trình bày: đầu năm 2020 do có nhu cầu làm nhà ở nên bà và anh Võ Văn N lập hợp đồng thỏa thuận việc làm nhà cụ thể như sau: giá xây dựng là 1.200.000đ/m2 sàn hoàn chỉnh; việc thanh toán trả tiền theo tiến độ thi công công trình như trong hợp đồng đã xuất trình cho Tòa án. Theo hợp đồng thì bà và anh N có thống nhất về quyền, nghĩa vụ như sau: Bà có nghĩa vụ lo toàn bộ thủ tục theo quy định, có trách nhiệm bàn giao mặt bằng đúng thời

gian, cung cấp vật tư, vật liệu cho bên B (tức anh N) thi công; có trách nhiệm trông giữ máy móc, đồ dùng cho bên B nếu mất thì phải chịu toàn bộ 100% cho bên B; phục vụ thi công, thường xuyên theo dõi, giám sát chất lượng công trình; nếu thấy hạng mục công trình chưa đảm bảo yêu cầu nhà thầu phải làm lại và hoàn trả lại toàn bộ vật liệu cho bên A (tức là bà) do lỗi của nhà thầu thi công gây ra; đổ trần tầng 01; xây đổ chóp tầng 02 (không có thỏa thuận về việc đổ trần tầng 02). Sau khi ký kết hợp đồng bà đã bàn giao cho anh N thi công từ phần móng, đối với phần ép cọc thì bà đã thuê người khác làm từ trước.

Về bản vẽ thiết kế: khi làm nhà bà không thuê thiết kế mà lấy bản vẽ trên mạng rồi chụp ảnh đưa cho anh N thi công theo bản vẽ đó. Quá trình thi công, bà thường xuyên theo dõi, giám sát. Anh N làm đến đâu bà theo dõi, chỉ đạo đến đó. Do bản vẽ bà lấy trên mạng không chi tiết như thiết kế nên khi làm đến hạng mục nào, bà chỉ đạo anh N làm theo đúng như bà yêu cầu.

Quá trình thi công đến phần đổ trần tầng 02, anh N làm không đúng như bà yêu cầu, cụ thể: độ dày trần 7,5cm (bà yêu cầu là từ 10 cm đến 12 cm); toàn bộ mặt trần tầng 02 rộng 90 m2 bị nứt bề mặt. Ngay sau khi đổ trần, bà gọi anh N ra xem mặt trần tại sao lại bị nứt nhưng anh N không nói gì. Bà có yêu cầu anh N phải trộn cát vàng và xi măng láng dầy thêm 01 cm, nhưng anh N không làm như bà yêu cầu mà lại hòa xi măng rồi đổ láng trên mặt trần để hết vết nứt nhưng vẫn không hết nứt. Sau đó bà có bơm nước để ngâm trần khoảng hơn 10 ngày, bà thấy dột trần nhưng bà không nói gì với anh N. Khi anh N trộn vữa xây máng nước tầng 02 thì xi măng thừa chảy ra mặt trần có lấp vết nứt được một phần nhỏ mặt trần. Đến khi thợ khác làm bà có bảo trộn vữa thêm để láng ra cho hết nứt. Hiện nay mặt trần không bị nứt nữa.

Đối với máng nước tầng 02 anh N xây không đúng theo yêu cầu, bên trong cao hơn bên ngoài. Do già yếu, bà không lên tầng 02 nên không biết việc anh N xây máng nước không đúng trên. Khi anh N không làm nữa thì bà mới phát hiện ra. Đối với mái văng tầng 01 bị hụt 30cm nên phải nối văng để chùm hết hiên nhà theo yêu cầu. Do khi anh N đổ mái văng thì chưa làm hiên nên bà không phát hiện được. Sau này đội thợ khác làm sau nên phải nối lại.

Đối với mái vát tầng 02, khi anh N thi công bị vẹo, bà không phát hiện được, cho đến khi thợ lợp mái tôn mới phát hiện dẫn đến mái lợp không được im.

Việc anh N thi công công trình không đảm bảo như trên có ông Nguyễn Văn Phượng, sinh năm 1973 ở tổ dân phố T, thị trấn V là người làm mái biết, chứng kiến; ngoài ra còn có con trai bà là Trần Đức Hải, sinh năm 1987 địa chỉ: tổ dân phố T, thị trấn V chứng kiến. Ngoài ra, quá trình thi công, anh N có lấy của bà 55kg sắt tán (trị giá 1.000.000đ) nhưng không trả tiền cho bà, không trừ vào tiền công.

Nay bà yêu cầu anh N phải bồi thường cho bà 70.000.000đ do thi công công trình đổ tầng 02 làm nứt toàn bộ 90 m2, đổ mỏng 7,5cm (đúng là từ 10 đến 12 cm); bồi thường 10.000.000đ do xây máng nước không đúng kết cấu, bên trong cao hơn bên ngoài, đổ mái văng tầng 01 bị hụt 30 cm phải nối lại, xây mái vát bị vẹo; yêu cầu trả 55kg sắt tán trị giá là 1.000.000đ.

Bị đơn - anh Võ Văn N (tức Võ Sỹ Văn) trình bày: anh làm nghề thợ xây dựng công trình dân dụng. Khoảng giữa năm 2020, bà Đinh Thị D có đặt vấn đề thuê anh làm nhà cho bà D, anh đồng ý. Hai bên có ký kết Hợp đồng như bà D đã cung cấp cho Tòa án. Theo hợp đồng, hai bên thỏa thuận anh có nhiệm vụ xây, hoàn thiện nhà ở cho bà D bao gồm: làm sắt đổ bê tông, xây chát, ốp lát và đổ bê tông 02 mái vát. Giá thuê là 1.200.000đ/m2 sàn. Trước khi ký kết hợp đồng thì bà D có đưa cho anh xem hình ảnh mẫu nhà chứ không có bản thiết kế và bảo xây theo như bản ảnh đã đưa cho anh xem, cụ thể: nhà 02 tầng, tầng một đổ trần, tầng hai không đổ trần mà chỉ có 02 mái vát.

Sau khi ký hợp đồng, ngày 03/6/2020 (âm lịch) bà D khởi công, anh cũng bắt đầu vào làm. Khi vào làm nhà cho bà D thì phần móng đã ép cọc rồi, nhưng ép thiếu 02 cọc ở đài giữa móng nhà. Anh có hỏi thì bà D bảo anh tiếp tục làm, không ảnh hưởng gì. Đến khoảng tháng 10/2020 (âm lịch) anh đã xây xong hết phần thô, trát 01 bức ngoài phía sau nhà, hoàn thiện xong 01 phòng ngủ tầng 01, chát xong khu cầu thang và xây hoàn thiện xong nhà bếp đã đưa vào sử dụng. Khi đó bà D không tạm ứng tiền theo hợp đồng hai bên đã ký kết nên anh không tiếp tục làm nữa. Sau đó có anh D nhà ở xã Tân Thanh, Lạng Giang vào làm nhà tiếp cho bà D cho đến khi xong.

Trong quá trình làm nhà thì bà D có phát sinh thêm hạng mục công trình không có trong hợp đồng gồm: đổ trần tầng 02, xây máng nước tầng 02 và xây nhà ăn tiếp giáp với nhà chính. Toàn bộ các hạng mục phát sinh anh đều làm theo yêu cầu của bà D.

Đối với hạng mục đổ trần tầng 02: khi đổ thì phần trong nhà đổ dầy từ 10 cm đến 11 cm, phần hiên thì chỉ đổ khoảng 07 cm vì phải hạ cốt nền để nước khỏi chảy vào trong nhà. Khi đổ xong trần tầng 02, có hiện tượng nứt dạn chân chim trên bề mặt trần, anh đã cho thợ hòa xi măng để láng và ngâm nước thì không thấy bị thấm dột trần. Các thợ vào làm sau cũng đều khẳng định trần tầng 02 không bị nứt hoặc có hiện tượng bất thường gì. Đây là hạng mục phát sinh thêm nhưng anh không yêu cầu bà D phải trả tiền công cho anh.

Đối với hạng mục máng nước tầng 02 là phát sinh thêm, anh làm theo yêu cầu của bà D. Khi đó anh có xây tường chắn máng nước bên trong cao hơn bên ngoài vì chưa làm mái tầng hai. Sau này thợ khác vào làm đã xây thêm bên ngoài cao hơn bên trong cho nước không hắt ra khỏi máng nước. Anh không yêu cầu bà D trả tiền công hạng mục này cho anh mặc dù là phát sinh thêm không có

trong hợp đồng.

Đối với hạng mục đổ mái văng tầng 01, anh đã làm đúng theo yêu cầu của bà D, làm xong thì bà D không yêu cầu gì. Sau này thợ khác vào làm thì có đổ thêm, nối lại như thế nào thì anh không biết.

Bà D đã phá vỡ hợp đồng, không trả tạm ứng tiền nên anh không tiếp tục làm nhà cho bà D nữa. Vì vậy, bà D phải chịu mọi trách nhiệm theo hợp đồng đã ký kết. Anh làm nhà cho bà D đều đảm bảo theo đúng quy định, không xảy ra bất kỳ lỗi xây dựng nào. Sự việc đã được Tòa án tiến hành thẩm định và lời khai của những người làm sau thừa nhận. Vì vậy anh không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của bà D về việc bồi thường các hạng mục trên. Đối với yêu cầu trả trị giá 55kg sắt tán là 1.000.000đ, anh thừa nhận có lấy của bà D 55kg sắt tán, nhưng giá trị số sắt tán này đã được trừ vào số tiền công mà bà D còn nợ. Vì vậy anh không đồng ý với yêu cầu này của bà D.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 41/2022/DS-ST ngày 25/8/2022 của Toà án nhân dân huyện L đã quyết định: áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); Điều 166, Điều 356, Điều 513, Điều 514, Điều 519 Bộ luật dân sự (BLDS). Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị D.

Buộc anh Võ Văn N phải bồi thường thiệt hại do xây máng nước không đúng kết cấu công trình, bên trong cao hơn bên ngoài; xây mái vát bị vẹo mái với tổng số tiền là 4.323.000 đồng;

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Buộc anh Võ Văn N phải thanh toán trả cho bà Đinh Thị D số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) giá trị của 55kg sắt tán.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị D đối với anh Võ Văn N về việc yêu cầu bồi thường số tiền 70.000.000 đồng do anh N thi công công trình đổ tầng 02 làm nứt toàn bộ 90 m2; đổ mỏng 7,5cm (đúng là từ 10 đến 12 cm) và phần đổ mái văng tầng 01 bị hụt 30 cm phải nối lại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả, quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/9/2022, bà Đinh Thị D kháng cáo toàn bộ bản án số 41/2022/DS-ST ngày 25/8/2022 của TAND huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đinh Thị D không rút đơn khởi kiện và không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Các bên đương sự cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Bà Đinh Thị D trình bày bản án sơ thẩm xét xử đánh giá không khách quan, bà không đồng ý với việc thẩm định bằng mắt thường. Bà D

đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành thẩm định lại bằng máy để đảm bảo quyền lợi của đương sự.

Anh Võ Văn N trình bày: anh không đồng ý với kháng cáo cũng như ý kiến của bà D tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa và tại phiên tòa, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng, đủ quy định của BLTTDS. Sau khi xem xét yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị D, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của BLTTDS, không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bà D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét nội dung, yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị D, HĐXX thấy:

[1]. Về yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị D yêu cầu anh N phải bồi thường số tiền 70.000.000 đồng do thi công công trình đổ tầng 02 làm nứt toàn bộ 90 m2; đổ mỏng 7,5cm (đúng là từ 10 đến 12 cm). Căn cứ lời trình bày của bà D, anh N và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở khẳng định bà Đinh Thị D thuê anh N thi công xây dựng nhà 02 tầng không có thiết kế thi công mà làm theo mẫu ảnh do bà D lấy trên mạng. Quá trình anh N thi công, bà D là người theo dõi, giám sát thường xuyên; anh N làm đến hạng mục nào thì bà D trực tiếp chỉ đạo. Như vậy, bà D vừa là chủ đầu tư, vừa là người chịu trách nhiệm trong việc thiết kế thi công; giám sát xây dựng công trình. Anh N là người chịu trách nhiệm thi công xây dựng theo yêu cầu cua bà D trong đó có các hạng mục không có trong thỏa thuận của hợp đồng hai bên đã ký kết ban đầu như: đổ trần tầng 2, máng nước.

[2]. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/7/2022, xác định:

Phần trần tầng 2: kiểm tra toàn bộ mặt trần trên và dưới đều không thấy hiện tượng nứt trần;

Phần bán mái vát tầng 2, máng nước tầng 2, mái văng tầng 1: do không có bản vẽ thiết kế chi tiết xây dựng nên không có căn cứ để so sánh, kết luận mái vát bị vẹo, nghiêng; máng nước xây phía trong cao hơn phía ngoài, mái văng bị hụt 30 cm.

Quá trình giải quyết vụ án số 22/2021/TLST-DS ngày 18/01/2021 về việc tranh chấp Hợp đồng dịch vụ của Tòa án nhân dân huyện L anh D người nhận thi công công trình của bà D sau khi anh N chấm dứt thi công cung cấp: trần tầng 2 vẫn nguyên hiện trạng anh không sửa chữa gì, các hạng mục khác thì anh

chỉ làm tiếp không sửa chữa gì ... Trong vụ án này bà D cũng không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà nêu trên.

Bản án sơ thẩm đã xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị D yêu cầu anh N phải bồi thường thiệt hại số tiền 70.000.000 đồng do thi công công trình đổ tầng 02 làm nứt toàn bộ 90 m2; đổ mỏng 7,5cm (đúng là từ 10 đến 12 cm); bồi thường về đổ mái văng tầng 01 bị hụt 30 cm phải nối lại là có căn cứ pháp luật.

[3]. Về yêu cầu buộc anh N bồi thường số tiền 10.000.000 đồng do anh N xây máng nước không đúng kết cấu công trình, bên trong cao hơn bên ngoài; đổ mái văng tầng 01 bị hụt 30 cm phải nối lại; xây mái vát bị vẹo mái.

Hội đồng xét xử thấy, quá trình giải quyết anh N cũng đã thừa nhận việc xây dựng máng nước phía trong cao hơn phía ngoài và thợ sau phải xây dựng lại nhưng do chưa làm xong và đây là phần phát sinh thêm nên anh không lấy tiền công. Theo kết quả định giá tài sản ngày 19/7/2022 xác định: phần máng nước xây thêm là 8,22m2 x 430.000đ/m2 = 3.595.000 đồng; mái vát tầng 2 trước cửa là 0,18 m3 x 4.040.000đ/ m3 = 728.000 đồng.

Bản án sơ thẩm xử buộc anh N phải bồi thường thiệt hại về phần xây máng nước không đúng kết cấu công trình, bên trong cao hơn bên ngoài; xây mái vát bị vẹo mái với tổng số tiền là 4.323.000 đồng là có căn cứ pháp luật.

[4]. Về yêu cầu buộc anh N phải trả 55kg sắt tán trị giá 1.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm bà D và anh N thống nhất thỏa thuận nội dung này. Án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, anh N có trách nhiệm trả cho bà D 1.000.000 đồng trị trá 55kg sắt tán là đúng quy định.

[5]. Xét ý kiến thẩm định lại bằng máy của bà D tại phiên tòa phúc thẩm, HĐXX thấy trong hợp đồng thi công giữa bà D và anh N không có nội dung độ dày của trần tầng 2, không có nội dung bảo hành công trình nên không cần thiết phải thẩm định lại theo đề nghị của bà D.

Do vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị D. HĐXX thấy cần bác kháng cáo của bà D, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa là có căn cứ.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bà D là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[7]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Xử: không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Đinh Thị D. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 41/2022/DS-ST ngày 25/8/2022 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2.Về án phí: bà Đinh Thị D được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TA, VKS, THADS huyện L ;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VPHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hà Giang